

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830301] - Trang bị điện nâng
cao (CCQ2205A)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt: 19.....

Số bài thi: 19.....

Số tờ giấy thi: 19.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D	5	An	7,5	9,0	8,4
2	2122050004	Trương Khánh Âu	12/08/2004	CCQ2205A	6a	Âu	9,5	9,0	9,2
3	2122050009	Nguyễn Thành Thanh Bảo	14/05/2004	CCQ2205A	5	Bảo	8,0	8,0	8,0
4	2122050022	Mai Quang Đại	10/06/2004	CCQ2205A	3	Đại	8,0	8,0	8,0
5	2122050038	Phạm Thanh Diễm	05/05/2004	CCQ2205B	5	Diễm	7,0	6,0	6,4
6	2122050012	Huỳnh Ngô Phước Hải	26/03/2004	CCQ2205A					
7	2122050119	Trương Minh Hiền	16/11/2024	CCQ2205A	3	Hiền	7,5	9,0	8,4
8	2122050046	Đoàn Minh Khải	29/07/2004	CCQ2205B	5	Khải	8,5	7,0	7,6
9	2122050020	Nguyễn Lê Hiếu Nhân	17/11/2004	CCQ2205A	3	Nhân	9,5	9,0	9,2
10	2122050017	Huỳnh Tuấn Nhật	05/03/2004	CCQ2205A	5	Nghe	8,0	9,0	8,6
11	2122050057	Lê Quang Phương	03/08/2004	CCQ2205B	3	Phương	9,5	9,0	9,2
12	2122050135	Nguyễn Hoàng Quốc	08/03/2004	CCQ2205A	6a	Quốc	7,5	9,0	8,4
13	2122050121	Lê Đình Sơn	07/04/2004	CCQ2205A	5	Sơn	8,5	9,0	8,8
14	2122050018	Trương Tấn Tài	02/01/2004	CCQ2205A	3	Tài	8,0	9,0	8,6
15	2122050007	Nguyễn Duy Tân	20/01/2004	CCQ2205A	6a	Tân	9,0	9,0	9,0
16	2122050030	Khê Như Thuần	13/09/2004	CCQ2205A	6a	Thuần	8,5	6,0	7,0
17	2122050078	Lê Minh Trí	07/12/2004	CCQ2205C	3	Trí	6,5	8,0	7,4
18	2122050058	Đặng Minh Trọng	12/02/2004	CCQ2205B	3	Trọng	7,5	6,0	6,6
19	2122050010	Nguyễn Quốc Việt	17/05/2004	CCQ2205A	6a	Việt	7,0	9,0	8,2
20	2122110207	Nguyễn Trí Tuấn Vũ	14/03/2004	CCQ2205B	6a	Vũ	9,0	9,0	9,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22830305] - Trang bị điện nâng
cao (CCQ2205A)

CBGD: Phạm Toàn Sinh (280034)

Số SV có mặt:.....12.....

Số bài thi:12.....

Số tờ giấy thi:.....12.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122050070	Thiên Đại	Anh	11/08/2004	CCQ2205C	3		7,0	8,0	7,6
2	2122050117	Nguyễn Văn	Chương	16/12/2004	CCQ2205D	6a		9,0	9,0	9,0
3	2122050026	Nguyễn Xuân	Duy	09/12/2004	CCQ2205A	3		9,0	8,0	8,4
4	2122050023	Trần Hữu	Hoàng	09/12/2004	CCQ2205A	3		7,5	7,0	7,2
5	2122050036	Võ Phước	Hơn	16/04/2004	CCQ2205B	5		9,0	9,0	9,0
6	2122050094	Nguyễn Văn	Minh	02/10/2004	CCQ2205C	5		9,0	9,0	9,0
7	2122050031	Đào Minh	Nhật	31/01/2004	CCQ2205A	6a		8,0	9,0	8,6
8	2122050068	Nguyễn Hữu	Phát	19/02/2003	CCQ2205B	5		9,5	9,0	9,2
9	2120050122	Danh Thiện	Thanh	06/03/2002	CCQ2005D					
10	2122050066	Hồ Mạnh	Trình	27/03/2004	CCQ2205B	6a		9,0	8,0	8,4
11	2122050025	Đặng Minh	Trực	07/01/2004	CCQ2205A	3		8,0	9,0	8,6
12	2122050014	Huỳnh Văn	Trường	07/01/2004	CCQ2205A	5		8,0	6,0	6,8
13	2122050024	Nguyễn Văn	Tuấn	24/08/2004	CCQ2205A	6a		8,0	8,0	8,0